

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San  
và các công ty con**

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là vào ngày 1 tháng 7 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và có giá trị trong 46 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đầu tiên cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đăng Quang  
Ông Hồ Hùng Anh  
Ông Trương Công Thắng  
Ông Madhur Mani  
Bà Nguyễn Hoàng Yến  
Ông Nguyễn Thiệu Quang  
Ông Lu Ming  
Ông Stephen W. Golsby

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (từ ngày 22 tháng 4 năm 2013)

**Ban Giám đốc**

Ông Trương Công Thắng  
Bà Nguyễn Hoàng Yến  
Ông Phạm Hồng Sơn  
Ông Phạm Đình Toại

Tổng Giám đốc  
(đến ngày 10 tháng 2 năm 2014)  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon  
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé  
Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San (“Công ty”) và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 81 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành các báo cáo tài chính này.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2014



**KPMG Limited Branch**

10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266

Fax +84 (8) 3821 9267

Internet [www.kpmg.com.vn](http://www.kpmg.com.vn)

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 81.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-581



Lâm Thị Ngọc Hào  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0866-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Chong Kwang Puay  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0864-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2014

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>11.603.185.991</b>	<b>6.125.830.321</b>	<b>10.674.632.808</b>	<b>6.576.859.263</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>4.168.229.325</b>	<b>3.383.585.011</b>	<b>2.240.125.568</b>	<b>871.211.108</b>
Tiền	111		40.691.381	68.852.030	6.425.568	17.711.108
Các khoản tương đương tiền	112		4.127.537.944	3.314.732.981	2.233.700.000	853.500.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>12</b>	<b>3.287.000.000</b>	<b>1.772.500.000</b>	<b>3.017.600.000</b>	<b>1.413.000.000</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		3.287.000.000	1.772.500.000	3.017.600.000	1.413.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>7</b>	<b>3.479.668.412</b>	<b>375.303.069</b>	<b>5.379.854.630</b>	<b>4.240.892.060</b>
Phải thu khách hàng	131		261.862.170	121.299.838	226.806.783	84.796.634
Trả trước cho người bán	132		113.136.065	100.853.227	1.261.833	854.725
Các khoản phải thu khác	135		3.106.453.942	153.527.772	5.151.786.014	4.155.240.701
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.783.765)	(377.768)	-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>638.304.164</b>	<b>563.855.229</b>	<b>29.294.876</b>	<b>37.042.904</b>
Hàng tồn kho	141		659.043.521	575.846.111	29.677.424	37.438.367
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(20.739.357)	(11.990.882)	(382.548)	(395.463)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29.984.090</b>	<b>30.587.012</b>	<b>7.757.734</b>	<b>14.713.191</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		23.258.768	12.754.718	4.930.828	3.019.439
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.660.044	12.108.407	-	8.577.312
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		4.675	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.060.603	5.723.887	2.826.906	3.116.440

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 269)</b>	<b>200</b>		<b>14.599.984.359</b>	<b>11.141.536.434</b>	<b>11.688.733.996</b>	<b>7.830.164.548</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>7</b>	<b>8.012.160.445</b>	<b>5.470.161.109</b>	<b>8.012.160.445</b>	<b>5.461.835.331</b>
Phải thu dài hạn khác	218		8.012.160.445	5.470.161.109	8.012.160.445	5.461.835.331
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.612.160.241</b>	<b>3.027.005.061</b>	<b>9.924.989</b>	<b>16.284.075</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.630.503.760	1.497.779.704	8.058.934	12.822.415
Nguyên giá	222		2.307.661.827	1.970.801.774	33.307.450	41.242.174
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(677.158.067)	(473.022.070)	(25.248.516)	(28.419.759)
Tài sản cố định vô hình	227	10	1.279.685.940	857.364.745	834.079	2.736.857
Nguyên giá	228		1.580.701.805	1.018.998.953	9.982.356	10.106.371
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(301.015.865)	(161.634.208)	(9.148.277)	(7.369.514)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	701.970.541	671.860.612	1.031.976	724.803
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>2.156.532.288</b>	<b>2.332.887.118</b>	<b>3.631.480.466</b>	<b>2.322.673.387</b>
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	3.631.480.466	2.088.173.387
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		2.152.932.288	1.967.387.118	-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		3.600.000	365.500.000	-	234.500.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>382.012.058</b>	<b>62.850.971</b>	<b>35.168.096</b>	<b>29.371.755</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	283.349.010	18.914.285	3.827.332	341.919
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	87.572.154	36.034.944	21.806.874	21.169.094
Tài sản dài hạn khác	268		11.090.894	7.901.742	9.533.890	7.860.742
<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>16</b>	<b>437.119.327</b>	<b>248.632.175</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>26.203.170.350</b>	<b>17.267.366.755</b>	<b>22.363.366.804</b>	<b>14.407.023.811</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000
<b>NGUỒN VỐN</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>8.182.951.984</b>	<b>5.858.041.705</b>	<b>6.289.153.398</b>	<b>3.482.835.683</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.865.103.733</b>	<b>3.212.419.012</b>	<b>6.098.918.318</b>	<b>3.468.252.717</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	17	2.175.419.241	1.683.446.854	3.044.235.862	758.686.221
Phải trả người bán	312	18	595.598.790	505.190.383	2.491.154.083	2.317.038.316
Người mua trả tiền trước	313		21.657.594	14.490.437	6.053.416	9.559.959
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	441.425.642	560.603.580	39.611.682	276.248.369
Phải trả người lao động	315		20.367.724	11.965.824	6.678	10.825
Chi phí phải trả	316	20	525.285.621	394.648.118	141.907.645	106.541.318
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	69.648.864	31.349.049	375.948.952	167.709
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		15.700.257	10.724.767	-	-
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.317.848.251</b>	<b>2.645.622.693</b>	<b>190.235.080</b>	<b>14.582.966</b>
Phải trả dài hạn khác	333	22	16.516.594	14.582.966	-	14.582.966
Vay và nợ dài hạn	334	23	3.897.384.660	2.521.943.420	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	15	400.694.916	109.096.307	190.235.080	-
Dự phòng dài hạn	337		3.252.081	-	-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>15.944.940.822</b>	<b>10.604.651.131</b>	<b>16.074.213.406</b>	<b>10.924.188.128</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>15.944.940.822</b>	<b>10.604.651.131</b>	<b>16.074.213.406</b>	<b>10.924.188.128</b>
Vốn cổ phần	411	25	5.273.359.100	5.025.000.000	5.273.359.100	5.025.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	5.088.056.395	3.111.514.809	5.088.056.395	3.111.514.809
Quỹ khác	413		(238.608.966)	(283.274.277)	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		18.324.741	18.324.741	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.407.232	4.407.232	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.799.402.320	2.728.678.626	5.712.797.911	2.787.673.319
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>24</b>	<b>2.075.277.544</b>	<b>804.673.919</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)</b>	<b>440</b>		<b>26.203.170.350</b>	<b>17.267.366.755</b>	<b>22.363.366.804</b>	<b>14.407.023.811</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ bao gồm trong tiền:				
▪ USD	25.569.950	101.103.070	208.391	298.054
▪ EUR	7.547	4.947	-	-

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Phạm Đình Toại  
*Giám đốc Tài chính*



Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
*Chủ tịch*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2013 VND'000	2012 VND'000	2013 VND'000	2012 VND'000
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>12.105.989.006</b>	<b>10.575.249.545</b>	<b>9.807.268.861</b>	<b>8.774.604.739</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>26</b>	<b>163.456.190</b>	<b>185.834.895</b>	<b>91.593.818</b>	<b>157.750.176</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>11.942.532.816</b>	<b>10.389.414.650</b>	<b>9.715.675.043</b>	<b>8.616.854.563</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>27</b>	<b>6.943.196.021</b>	<b>6.178.925.703</b>	<b>8.839.766.342</b>	<b>8.162.283.768</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>4.999.336.795</b>	<b>4.210.488.947</b>	<b>875.908.701</b>	<b>454.570.795</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	1.755.709.999	1.332.727.670	3.625.959.575	3.600.210.740
Chi phí tài chính	22	29	437.621.192	531.991.410	394.010.843	468.239.280
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		388.753.736	487.983.049	393.945.418	467.139.917
Chi phí bán hàng	24		1.981.587.161	1.325.121.188	675.913.471	544.215.114
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		566.832.851	394.642.867	204.796.930	121.170.357
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>3.769.005.590</b>	<b>3.291.461.152</b>	<b>3.227.147.032</b>	<b>2.921.156.784</b>
Thu nhập khác	31	30	53.868.594	52.209.252	6.017.038	2.725.898
Chi phí khác	32	31	41.534.747	26.637.369	5.141.412	64.654
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>12.333.847</b>	<b>25.571.883</b>	<b>875.626</b>	<b>2.661.244</b>
<b>Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết</b>	<b>45</b>		<b>183.016.192</b>	<b>2.555.287</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)</b>	<b>50</b>		<b>3.964.355.629</b>	<b>3.319.588.322</b>	<b>3.228.022.658</b>	<b>2.923.818.028</b>
<b>Chi phí thuế TNDN – hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>32</b>	<b>567.614.002</b>	<b>593.858.061</b>	<b>107.336.045</b>	<b>273.388.070</b>
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN – hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>32</b>	<b>126.409.364</b>	<b>(124.578.798)</b>	<b>189.597.299</b>	<b>(124.013.698)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>3.270.332.263</b>	<b>2.850.309.059</b>	<b>2.931.089.314</b>	<b>2.774.443.656</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DN/HN**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2013 VND'000	2012 VND'000	2013 VND'000	2012 VND'000
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang)</b>	<b>60</b>		<b>3.270.332.263</b>	<b>2.850.309.059</b>	<b>2.931.089.314</b>	<b>2.774.443.656</b>
<b>Phân bổ cho:</b>						
Cổ đông thiểu số	61		174.558.661	86.162.000	-	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		3.095.773.602	2.764.147.059	2.931.089.314	2.774.443.656
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	5.898	5.509	N/A	N/A
Lãi suy giảm trên cổ phiếu		35	5.669	N/A	N/A	N/A

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Phạm Đình Toại  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:




Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		2013 VND'000	2012 VND'000	2013 VND'000	2012 VND'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>3.964.355.629</b>	<b>3.319.588.322</b>	<b>3.228.022.658</b>	<b>2.923.818.028</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>					
Khấu hao và phân bổ	02	428.607.400	329.062.086	6.484.539	10.018.313
Các khoản dự phòng	03	34.705.996	40.921.593	-	1.319.671
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(3.950.564)	(204.365)	13.146	-
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05	7.521.556	4.908.672	(53.247)	(76.550)
Lãi từ thanh lý đầu tư vào các công ty con	05	-	-	(246.068)	-
Lợi thế thương mại âm phát sinh từ việc mua lại các công ty con	05	(213.962.708)	-	-	-
Thu nhập lãi và cổ tức	05	(1.491.082.757)	(1.315.179.423)	(3.624.949.754)	(3.598.736.434)
Chi phí lãi vay	06	388.753.736	487.983.049	393.945.418	467.139.917
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	07	(183.016.192)	(2.555.287)	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.931.932.096</b>	<b>2.864.524.647</b>	<b>3.216.692</b>	<b>(196.517.055)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(135.187.199)	112.185.501	(177.506.297)	(14.087.779)
Biến động hàng tồn kho	10	(53.410.622)	8.195.519	7.748.028	14.700.943
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	319.242.354	65.503.708	219.255.836	2.063.045.566
Biến động chi phí trả trước	12	5.742.294	9.649.163	(1.898.965)	(462.986)
		<b>3.068.318.923</b>	<b>3.060.058.538</b>	<b>50.815.294</b>	<b>1.866.678.689</b>
Tiền lãi vay đã trả	13	(349.694.242)	(349.394.940)	(34.822.108)	(107.382.192)
Thuế thu nhập đã nộp	14	(778.250.034)	(212.074.304)	(372.749.311)	(13.973.366)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(28.159.669)	(19.282.821)	(1.317.108)	(2.026.709)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.912.214.978</b>	<b>2.479.306.473</b>	<b>(358.073.233)</b>	<b>1.743.296.422</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		2013 VND'000	2012 VND'000	2013 VND'000	2012 VND'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(333.673.975)	(861.222.393)	(7.471.121)	(6.215.877)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.572.599	2.023.051	3.901.078	87.895
Khoản vay cấp cho các công ty liên quan	23	(4.410.000.000)	-	(4.410.000.000)	-
Tiền thu hồi các khoản vay cấp cho các công ty liên quan	24	-	-	27.330.695	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(43.406.556.615)	(32.652.669.566)	(25.016.403.221)	(10.130.300.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	42.257.556.615	31.316.669.566	23.646.303.221	8.809.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con	25	(431.584.603)	63.998	(438.370.009)	(322.054.452)
Mua lợi ích cổ đông thiểu số trong công ty con	25	-	(122.044.452)	-	-
Tiền thu từ thanh lý lợi ích trong các công ty con	26	1.061.861.898	-	1.061.861.898	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	425.442.312	293.351.760	2.337.798.246	1.175.696.400
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.835.381.769)</b>	<b>(2.023.828.036)</b>	<b>(2.795.049.213)</b>	<b>(473.786.034)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	2.236.487.265	12.500.000	2.236.487.265	12.500.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được từ ngân hàng	33	7.376.669.278	3.251.205.012	3.836.340.671	1.248.308.995
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được từ các công ty con	33	-	-	2.123.200.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(5.879.222.265)	(5.037.517.428)	(3.673.991.030)	(3.207.392.064)
Tiền chi trả cổ tức	36	(24.876.448)	(25.988.156)	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.709.057.830</b>	<b>(1.799.800.572)</b>	<b>4.522.036.906</b>	<b>(1.946.583.069)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN/HN

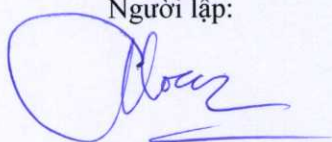
	Mã số	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		2013 VND'000	2012 VND'000	2013 VND'000	2012 VND'000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	785.891.039	(1.344.322.135)	1.368.914.460	(677.072.681)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	3.383.585.011	4.730.726.781	871.211.108	1.548.283.789
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(1.246.725)	(2.819.635)	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	4.168.229.325	3.383.585.011	2.240.125.568	871.211.108

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2013 VND'000	2012 VND'000	2013 VND'000	2012 VND'000
Phải trả để mua công ty con	43.396.598	-	-	-
Chi trả nợ gốc vay bằng cách cản trừ với tiền thu từ các khoản vay mới	2.279.880.000	-	-	-
Thanh toán lãi bằng cách cản trừ với tiền vay dài hạn nhận được	357.656.228	-	-	-
Cổ tức do các công ty con trả/công bố bởi các công ty con và được thanh toán bằng cách cản trừ với các khoản phải trả cho công ty con	-	-	-	419.701.208
Thanh toán phí duy trì khoản vay bằng cách cản trừ với lãi tiền gửi phải thu từ công ty con	-	-	-	10.616.990
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	2.512.500.000	-	2.512.500.000
Thanh toán khoản đầu tư vào công ty con bằng cách chuyển đổi khoản vay và thu nhập lãi liên quan thành góp vốn	-	-	2.166.552.900	-

Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Phạm Đình Toại  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc, xe ô tô, công cụ và dụng cụ, vật liệu, dụng cụ gia đình, máy vi tính; thiết bị văn phòng, thực phẩm, sản phẩm nông-lâm-ngư nghiệp, sản xuất và mua bán đồ uống không cồn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302017440 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (“BKHDĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh (sau đây được gọi chung là “giấy chứng nhận”). Giấy chứng nhận có giá trị trong vòng 46 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đầu tiên ngày 31 tháng 5 năm 2000.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Hoạt động chính của các công ty con và công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm vốn cổ phần và quyền biểu quyết tại ngày	
		31/12/2013	31/12/2012
<b>Công ty con</b>			
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San	Kinh doanh thực phẩm	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San (*)	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (*)	Sản xuất nước chấm	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Minh Việt (*)	Sản xuất bao bì	100%	100%
Công ty Cổ phần Ma San PQ (*)	Sản xuất nước chấm	94,50%	94,50%
Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD (*)	Sản xuất nước chấm	100%	100%
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Sản xuất đồ uống	53,20%	53,20%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (**)	Sản xuất đồ uống	63,51%	-
Công ty Cổ phần Masan Agri (trước đây là Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Mười Giờ) (***)	Đầu tư tài chính	51%	100%
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha (****)	Sản xuất đồ uống	63,50%	-
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia Súc (Proconco) (***)	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	20,40%	40%

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

(\*) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San.

(\*\*) Vào ngày 27 tháng 3 năm 2013, Công ty đã hoàn tất việc mua lại 5.144.460 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Vĩnh Hảo”) với giá 438.370 triệu VND bao gồm chi phí giao dịch. Việc mua lại này dẫn đến Công ty nắm giữ 63,51% quyền sở hữu trong Vĩnh Hảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (xem Thuyết minh 5(a)).

(\*\*\*) Vào ngày 2 tháng 7 năm 2013, Công ty đã tăng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Masan Agri (trước đây là Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Mười Giờ) (“Hoa Mười Giờ”) bằng cách chuyển đổi khoản vay và lãi phải thu liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 2.166.553 triệu VND.

Vào ngày 26 tháng 8 năm 2013, Công ty đã bán 49% cổ phần trong Hoa Mười Giờ, công ty này nắm giữ 40% cổ phần trong Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (Proconco), với khoản tiền là 1.061.862 triệu VND. Giao dịch này làm lợi ích gián tiếp của Công ty trong Proconco giảm từ 40% tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 xuống còn 20,4% tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Vào ngày 16 tháng 9 năm 2013, Hoa Mười Giờ đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Masan Agri.

(\*\*\*\*) Vào ngày 30 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo, một công ty con, đã hoàn tất việc mua lại 99,99% cổ phần trong Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha (“Kronfa”) với giá 47.590 triệu VND. Việc mua lại này dẫn đến Công ty nắm giữ 63,50% quyền sở hữu trong Kronfa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (xem Thuyết minh 5(b)). Công ty con này sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.

Tất cả các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 969 nhân viên (31/12/2012: 1.028 nhân viên) và Tập đoàn có 6.225 nhân viên (31/12/2012: 5.249 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn đến hàng nghìn gần nhất (“VND’000”).

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

**(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(i) Chính sách kế toán đối với hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung**

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán số 11 *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán số 01 *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán số 21 *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị tài sản thuần được mua được xem như là sự phân bổ vốn giả định cho hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

**(ii) Chính sách kế toán đối với hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung**

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá sự kiểm soát, Tập đoàn có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý của chúng. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như phí dịch vụ chuyên môn trả cho kế toán, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được vốn hóa vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí khi phát sinh.

**(b) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(iii) Lợi ích cổ đông thiểu số**

Đối với những thay đổi về quyền sở hữu của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, thì phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng cổ phần và tỉ lệ giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(e) Các khoản đầu tư**

**(i) Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư trong báo cáo tài chính riêng của Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn gốc trên 3 tháng tính từ ngày giao dịch và được phản ánh theo nguyên giá.

**(iii) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn gốc trên 12 tháng tính từ ngày giao dịch và được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác cũng bao gồm đầu tư vào cổ phần của các công ty mà Công ty không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ (trừ khi lỗ này đã được xác định trong kế hoạch kinh doanh trước ngày đầu tư). Nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên liên quan khách quan đến một sự kiện xảy ra sau khi khoản dự phòng này được lập thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

**(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	4 - 30 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 - 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm